

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2023/DS-ST

Ngày: 04/12/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hết
2. Bà Mai Thị Nhắc

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 242/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 451/2023/QĐXX-ST ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1976;

Địa chỉ: số A, ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Minh T, sinh năm 1995; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: số A đường Đ, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1969; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phú Trạch I, xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1969; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh **Lê Minh T** trình bày:

Từ năm 2019, bà **Lê Thị L** có thỏa thuận mua thức ăn chăn nuôi của ông **Nguyễn Văn N** để chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển kinh tế gia đình. Hình thức trả tiền thức ăn là thanh toán một lần khi kết thúc mỗi đợt chăn nuôi. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà **L** đã vi phạm nghĩa vụ trả thanh toán cho ông **N**, tính đến ngày 29/05/2023 thì bà **L** còn nợ số tiền 122.200.000 đồng. Hai bên có lập giấy xác nhận nợ và bà **L** có ký tên xác nhận còn nợ ông **N** số tiền trên. Mặc dù, ông **N** đã nhiều lần yêu cầu bà **L** cùng chồng là ông **Nguyễn Văn N1** thanh toán tiền thức ăn nhưng ông, bà không thực hiện. Do đó, ông **N** khởi kiện yêu cầu bà **Lê Thị L** và ông **Nguyễn Văn N1** có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **N** số tiền nợ thức ăn gốc là 122.200.000 đồng; yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1.66%/tháng trên số tiền gốc còn nợ lại, thời gian tính lãi từ ngày 29/05/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tạm tính từ ngày 29/05/2023 đến ngày 29/08/2023 với số tiền lãi là: 122.200.000 đồng x 1.66% x 03 tháng = 6.085.560 đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 128.285.560 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà **L**, ông **N1** trả số tiền lãi chậm thanh toán là 6.085.560 đồng. (Theo nội dung đơn xin xét xử vắng mặt ngày 01/12/2023).

Theo nội dung biên bản lấy lời khai bị đơn bà **Lê Thị L** trình bày:

Trước đây (không nhớ thời gian chính xác) giữa bà và ông **N** có thỏa thuận mua bán thức ăn để bà chăn nuôi heo, hai bên thỏa thuận thời điểm thanh toán khi xuất chuồng. Hai bên mua bán với nhau được khoảng năm năm thì heo bị dịch bệnh chết nên bà nợ tiền thức ăn ông **N**. Khoảng năm 2022, thì hai bên ngừng mua bán thời điểm này bà còn nợ lại ông **N** số tiền 122.200.000 đồng. Do việc chăn nuôi là để phát triển kinh tế gia đình nên bà đồng ý cùng ông **N1** liên đới trả số tiền trên cho ông **N**. Hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên bà xin được trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đối với số tiền lãi 6.085.560 đồng thì bà xin ông **N** bỏ lãi do hiện nay bà không có khả năng trả lãi. Đối với các chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy xác nhận nợ ngày 29/05/2023 thì bà **L** thống nhất thừa nhận là đúng.

Theo nội dung biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Văn N1** trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà **L**. Ông đồng ý liên đới cùng bà **L** trả cho ông **N** số tiền 122.200.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đối với số tiền lãi 6.085.560 đồng thì ông xin ông **N** bỏ lãi do hiện nay không có khả năng trả lãi.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Anh **T**, bà **L**, ông **N1** đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh **T**, bà **L**, ông **N1**.

Về nội dung giải quyết vụ án: Ông **N** yêu cầu trả số tiền thức ăn còn thiếu là 122.200.000 đồng, bà **L** và ông **N1** đồng ý liên đới trả số tiền này cho ông **N** nên ghi nhận. Đối với số tiền lãi 6.085.560 đồng nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà **L**, ông **N1** trả nên ghi nhận. Đối với yêu cầu xin trả dân thì các bên không thỏa thuận được với nhau và thuộc giai đoạn thi hành án nên không có căn cứ ghi nhận.

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn N**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; quan điểm của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của ông **Nguyễn Văn N** Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh **Lê Minh T**, bị đơn bà **Lê Thị L**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Văn N1** đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **T**, bà **L**, ông **N1**.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

Hội đồng xét xử nhận định:

Ông **N** khởi kiện cho rằng giữa ông với bà **L** có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi với nhau, khi hai bên ngừng mua bán thì bà **L** còn nợ lại ông số tiền 122.200.000 đồng. Ông **N** đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà **L** chưa thanh toán khoản tiền trên cho ông. Do việc chăn nuôi là phát triển kinh tế gia đình nên ông **N** khởi kiện yêu cầu bà **L**, ông **N1** có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên.

Bà L, ông N1 thừa nhận có thỏa thuận mua bán với ông N và hiện nay còn nợ ông N số tiền gốc là 122.200.000 đồng. Bà L và ông N1 đồng ý liên đới trả số tiền trên cho ông N nên ghi nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán:

Theo nội dung đơn khởi kiện, ông N yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1.66%/tháng trên số tiền gốc còn nợ lại, thời gian tính lãi từ ngày 29/05/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tạm tính từ ngày 29/05/2023 đến ngày 29/08/2023 với số tiền lãi là: 122.200.000 đồng x 1.66% x 03 tháng = 6.085.560 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán. Thấy rằng, việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn là có lợi cho bà L, ông N1 và việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên có căn cứ xác định giữa ông N và bà L, ông N1 có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi với nhau và hiện nay số tiền bà L, ông N1 còn nợ ông N là 122.200.000 đồng. Do đó, buộc bà L và ông N1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông N số tiền này.

Đối với yêu cầu xin trả dần của bà L, ông N1 với số tiền trả là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi xong các khoản nợ do hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn. Thấy rằng, yêu cầu trả dần là nội dung liên quan đến thời gian và cách thức thi hành án, thuộc giai đoạn thi hành án. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án giải thích cho các bên nhưng các bên không thỏa thuận được nên không có cơ sở chấp nhận.

[[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 122.200.000 đồng x 5% = 6.110.000 đồng bà L, ông N1 phải liên đới chịu.

H lại cho ông Nguyễn Văn N số tiền tạm ứng án phí là 3.207.000 đồng theo biên lai thu số 0001297 ngày 23/10/2023 (do Lê Minh T nộp thay) của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N đối với bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn N1.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc bà **Lê Thị L** và ông **Nguyễn Văn N1** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **Nguyễn Văn N** số tiền 122.200.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm số tiền 6.110.000 đồng (Sáu triệu một trăm mười nghìn đồng) bà **Lê Thị L** và ông **Nguyễn Văn N1** có nghĩa vụ liên đới chịu.

H lại cho ông **Nguyễn Văn N** số tiền tạm ứng án phí là 3.207.000 đồng theo biên lai thu số 0001297 ngày 23/10/2023 (do **Lê Minh T** nộp thay) của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu (Hs, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Yến